



yí wéi píng dì
夷为平地

verb phrase · to raze to the ground

Example Sentences

Dì zhèn bǎ zhěng gè cūn zhuāng yí wéi píng dì
地震把整个村庄夷为平地。

The earthquake razed the entire village to the ground.

Zhàn zhēng guò hòu zhè zuò chéng shì jī hū bèi yí wéi píng dì
战争过后，这座城市几乎被夷为平地。

After the war, this city was almost razed to the ground.

Trace each character, then write the word on your own.

夷	夷	夷	夷	夷	夷	夷	夷	夷		
为	为	为	为	为	为	为				
平	平	平	平	平	平	平	平			
地	地	地	地	地	地	地	地	地		